

**THÔNG BÁO**  
**Tuyển sinh chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, năm 2025**

Trường Đại học Văn Lang thông báo về việc tuyển sinh chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2025, như sau:

**1. Ngành tuyển sinh**

Tt	Mã ngành	Ngành	Các đợt xét tuyển		
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3
1	9440301	Khoa học Môi trường	X	X	X

**2. Phương thức tuyển sinh:** Xét tuyển

**3. Hình thức tuyển sinh:** Trực tiếp (trong trường hợp không thể tổ chức trực tiếp do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, Nhà trường sẽ tổ chức hình thức tuyển sinh trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp với trực tuyến).

**4. Thời gian tuyển sinh**

Đợt tuyển sinh	Thời gian nhận hồ sơ		Thời gian công bố kết quả (dự kiến)	Thời gian nhập học (dự kiến)
Đợt 1	01/10/2024	15/02/2025	Tháng 03/2025	Tháng 04/2025
Đợt 2	01/03/2025	14/06/2025	Tháng 07/2025	Tháng 08/2025
Đợt 3	01/07/2025	01/09/2025	Tháng 09/2025	Tháng 10/2025

**5. Đối tượng tuyển sinh và điều kiện tuyển sinh**

**5.1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển**

a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ; Ứng viên có thể cần học bổ sung kiến thức theo quy định.

Danh mục ngành phù hợp và môn học bổ sung kiến thức: Xem tại Phụ lục 01.b) Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển;

c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo

định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

d) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

**5.2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam** phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại *Phụ lục 02* của Thông báo này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục Đào tạo công bố.

**5.3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài** nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

## 6. Hồ sơ dự tuyển

STT	Tên hồ sơ	SL	Quy cách	Ghi chú
1.	Biên nhận hồ sơ tuyển sinh	02	Theo mẫu	Bắt buộc
2.	Đơn đăng ký dự tuyển	01	Theo mẫu	Bắt buộc
3.	Bằng tốt nghiệp đại học	02	Sao y	Bắt buộc
4.	Bảng điểm đại học	02	Sao y	Bắt buộc
5.	Bằng tốt nghiệp thạc sĩ	02	Sao y	Bắt buộc
6.	Bảng điểm tốt nghiệp thạc sĩ	02	Sao y	Bắt buộc
7.	Văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ	02	Sao y	Bắt buộc
8.	Lý lịch học viên	01	Theo mẫu, có xác nhận	Bắt buộc
9.	Lý lịch khoa học	01	Theo mẫu và có xác nhận	Bắt buộc
10.	Minh chứng năng lực nghiên cứu khoa học	01	- Đối với luận văn chương trình định hướng nghiên cứu: thể hiện ở bảng điểm tốt nghiệp; - Đối với đề tài nghiên cứu: bản sao y Quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài hoặc văn bản khác thay thế;	Nếu có

			- Đối với công bố khoa học: bản sao bìa, mục lục, toàn văn công trình.	
11.	Giấy xác nhận thâm niên công tác	01	Mẫu của cơ quan công tác	Nếu có
12.	Đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa	01	Đóng cuốn	Bắt buộc
13.	Thư giới thiệu	01	Có chữ ký xác nhận	Bắt buộc
14.	Căn cước công dân	01	Sao y	Bắt buộc
15.	Hình thẻ	06	Hình màu, mới chụp	Bắt buộc
16.	Giấy khám sức khỏe	01	Bản gốc	Bắt buộc
17.	Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức	01	Sao y	Nếu có
18.	Công văn cử đi học của cơ quan	01	Mẫu của cơ quan công tác	Nếu có
19.	Hồ sơ dự tuyển học bổng	01	Theo mẫu	Nếu có
20.	Hồ sơ chứng minh đối tượng ưu tiên	01	Sao y	Nếu có
21.	Giấy xác nhận văn bằng tương đương của Cục Quản lý Chất lượng	01	Sao y, nếu văn bằng của cơ sở giáo dục nước ngoài cấp	Nếu có
22.	Lý lịch khoa học của người hướng dẫn khoa học	01	Theo mẫu và có xác nhận của cơ quan hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú	Bắt buộc
23.	Minh chứng công bố khoa học của giảng viên hướng dẫn	01	Bản sao bìa, mục lục, toàn văn công trình hoặc một vài trang đầu, một vài trang cuối	Bắt buộc
24.	Biên lai nộp lệ phí xét tuyển	01	Bản sao	Bắt buộc

## 7. Chính sách miễn giảm học phí

a. Giảm 5% học phí thực đóng nếu nghiên cứu sinh thanh toán học phí toàn khóa một lần vào đợt đóng học phí đầu tiên theo thông báo. Chính sách này chỉ áp dụng cho những nghiên cứu sinh được nhận học bổng hoặc miễn giảm dưới 30%.

b. Giảm 10% học phí toàn khóa cho nghiên cứu sinh là cựu sinh viên Văn Lang, dân tộc thiểu số, con thương binh/bệnh binh/liệt sĩ, hoặc con nạn nhân chất độc màu da cam<sup>(1)</sup>.

c. Giảm 10% học phí toàn khóa học cho cha mẹ/con cái, vợ/chồng, anh/chị/em ruột cùng học tại Trường.

d. Giảm 30% học phí toàn khóa học cho nghiên cứu sinh là thương/bệnh binh<sup>(1)</sup> hoặc người khuyết tật (nếu có nguyện vọng).

## 8. Chính sách học bổng

Ứng viên đủ điều kiện trúng tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ đều có thể đăng

<sup>1</sup> Theo quy định của Nhà nước.

kí ứng tuyển, nhận được học bổng lên đến 100% học phí toàn khóa học, chi tiết tại *Phụ lục 03*.

## 9. Lệ phí, học phí

STT	Khoản mục	Số tiền	Diễn giải
1	Lệ phí xét tuyển	500.000 đồng	Nộp khi nộp hồ sơ dự tuyển.
2	Lệ phí nhập học	1.000.000 đồng	Nghiên cứu sinh nộp cùng với học phí học kỳ đầu. Lệ phí được sử dụng cho các công tác tổ chức nhập học, cấp thẻ học viên, thư viện điện tử.
3	Học phí học bổ sung kiến thức (nếu có)	1.500.000 đồng/môn	Tùy theo số môn bổ sung kiến thức.
4	Học phí toàn khóa*	136.500.000 đồng	

(\*) Nghiên cứu sinh nộp học phí theo thông báo của Nhà trường, 02 đợt/năm như sau:

Học phí (Đơn vị: đồng)	Năm 1	Năm 2	Năm 3
136.500.000	Đợt 1: 25.000.000 Đợt 2: 25.000.000	Đợt 1: 25.000.000 Đợt 2: 25.000.000	Đợt 1: 18.250.000 Đợt 2: 18.250.000

- Trường hợp nghiên cứu sinh được gửi đi học ở cơ sở đào tạo khác, học phí sẽ được giảm trừ theo mức **1.520.000 đồng/tín chỉ**.

- Nếu không hoàn tất chương trình đúng thời gian đào tạo tiêu chuẩn, nghiên cứu sinh sẽ phải **đóng phí quản lý tương đương 5% học phí toàn khóa** cho mỗi đợt (06 tháng) gia hạn đào tạo.

Ứng viên nộp lệ phí, học phí tuyển sinh trực tiếp tại Phòng Kế toán hoặc chuyển khoản đến số tài khoản của Nhà trường, theo thông tin sau:

- Tên tài khoản: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG**
- Số tài khoản: **1602201363522**
- Ngân hàng thụ hưởng: **Ngân hàng Agribank CN3 - HCM**
- Nội dung chuyển khoản: **SDH - Họ và tên - Số điện thoại - Lệ phí/học phí tiến sĩ**

**Lưu ý:** Nhà trường không hoàn lại lệ phí vì bất kỳ lý do gì. Trong trường hợp có lý do hợp lý, học viên có thể làm đơn xin rút học phí. Thời gian nộp đơn xin rút học phí tối thiểu trước khi học phần bắt đầu 01 tuần.

## 10. Điều kiện trúng tuyển

Căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh sẽ quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển.

Trong trường hợp số lượng ứng viên đủ điều kiện trúng tuyển theo quy định nhiều hơn chỉ tiêu tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh có thể xem xét các tiêu chí bổ sung gồm:

- Ưu tiên ứng viên đã tốt nghiệp trình độ cao hơn,
- Ưu tiên ứng viên có nhiều kinh nghiệm nghiên cứu khoa học hơn.

### 11. Kế hoạch đào tạo

- **Hình thức đào tạo:** Chính quy tập trung.
- **Thời gian đào tạo:**
  - + Thời gian đào tạo chuẩn của nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ: 03 năm;
  - + Thời gian đào tạo chuẩn của nghiên cứu sinh có bằng đại học: 04 năm.
  - + Tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06 năm (72 tháng) tính từ ngày quyết định công nhận nghiên cứu sinh có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục trình luận án cho Trường, trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án.

- **Thời gian học:** Tối trong tuần, Thứ Bảy, Chủ nhật.

Sáng: 8h30'-11h30'; Chiều: 13h30'-16h30'; Tối: 18:00'-21:00' hoặc 18h30'-21h30'.

- **Địa điểm học:**

- + Cơ sở chính: Số 69/68 Đặng Thùy Trâm, P.13, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.
- + Cơ sở 1: Số 45 Nguyễn Khắc Nhu, P. Cô Giang, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
- + Cơ sở 2: Số 233A Phan Văn Trị, P.11, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

### 12. Thông tin liên hệ nộp hồ sơ: Viện Sau đại học - Trường Đại học Văn Lang

- **Điện thoại:** 0287 101 6869 hoặc 0988 48 6869
- **Email:** [tuyensinh.sdh@vlu.edu.vn](mailto:tuyensinh.sdh@vlu.edu.vn)
- **Website:** [saudaihoc.vlu.edu.vn](http://saudaihoc.vlu.edu.vn)
- **Địa chỉ:** Phòng 2.01, Toà nhà A, Cơ sở chính Trường Đại học Văn Lang, số 69/68 Đường Đặng Thùy Trâm, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐT;
- VP. Ban Giám hiệu;
- Các Khoa, Viện, Phòng, Ban;
- Thông báo trên trang thông tin điện tử;
- Lưu: P.HC&QTNNL, V.SĐH.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Trần Thị Mỹ Diệu

## PHỤ LỤC 01

**Danh mục ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức**  
(Kèm theo Thông báo số 1509 /TB-ĐHVL, ngày 22 tháng 10 năm 2024  
của Trường Đại học Văn Lang)

Những trường hợp tên ngành cụ thể không nằm trong danh sách dưới đây, dựa trên bảng điểm của ứng viên, Hội đồng tuyển sinh xem xét từng trường hợp.

STT	Nhóm ngành	Tên ngành cụ thể	Học phần bổ sung kiến thức
<b>Ứng viên có bằng thạc sĩ</b>			
1	Khoa học môi trường (84403)	Khoa học môi trường (8440301)	Thí sinh không cần học bổ sung kiến thức
2	Quản lý tài nguyên và môi trường (88501)	Quản lý tài nguyên và môi trường (8850101)	
		Quản lý đất đai (8850103)	
		Quản lý biển đảo và đới bờ (8850104)	
3	Bảo hộ lao động (8900103)	Bảo hộ lao động (8900103)	
4	Kỹ thuật hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường (85203)	Kỹ thuật hóa học (8520301)	
		Kỹ thuật vật liệu (8520309)	
		Kỹ thuật môi trường (8520320)	
5	Khoa học vật chất (84401)	Hóa môi trường (8440120)	
		Vật lý nguyên tử và hạt nhân (8440106)	
		Khoa học vật liệu (8440122)	
6	Khoa học trái đất (84402)	Địa chất học (8440201)	
		Khoáng vật học và địa hóa học (8440205)	
		Địa vật lý (8440210)	
		Bản đồ, viễn thám, và hệ thống địa lý (8440214)	
		Địa lý tự nhiên (8440217)	
		Địa lý tài nguyên và môi trường (8440220)	
		Khí tượng và khí hậu học (8440222)	
Thủy văn học (8440224)			

STT	Nhóm ngành	Tên ngành cụ thể	Học phần bổ sung kiến thức
		Hải dương học (8440228)	
7	Kỹ thuật địa chất, vật lý và trắc địa (85205)	Kỹ thuật địa chất (8520501)	Tùy vào định hướng nghiên cứu, hội đồng bảo vệ đề cương sẽ quyết định các môn học bổ sung kiến thức.
		Kỹ thuật địa vật lý (8520502)	
		Kỹ thuật trắc địa - bản đồ (8520503)	
8	Sinh học (84201)	Sinh học (8420101)	
		Sinh thái học (8420120)	
9	Sinh học ứng dụng (84202)	Công nghệ sinh học (8420201)	
10	Quản lý công nghiệp (85106)	Quản lý công nghiệp (8510601)	
		Quản lý năng lượng (8510602)	
		Logistic và quản lý chuỗi cung ứng (8510605)	
11	Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật (85201)	Kỹ thuật nhiệt (8520115)	
		Kỹ thuật năng lượng (8520135)	
12	Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống (85401)	Công nghệ thực phẩm (8520101)	
13	Kiến trúc và quy hoạch (85801)	Kiến trúc (8580101)	
		Quy hoạch vùng và đô thị (8580105)	
		Quy hoạch đô thị và công trình (8580106)	
		Đô thị học (8580112)	
14	Xây dựng (85802)	Kỹ thuật xây dựng (8580201)	
		Địa kỹ thuật xây dựng (8580211)	
		Kỹ thuật tài nguyên nước (8580212)	
		Kỹ thuật cấp thoát nước (8580213)	
15	Quản lý xây dựng (85803)	Quản lý xây dựng (8580302)	
16	Nông nghiệp (86201)	Khoa học đất (8620103)	
		Phát triển nông thôn (8620116)	
17	Lâm nghiệp (86202)	Quản lý tài nguyên rừng (8620211)	
18	Thủy sản (86203)	Quản lý thủy sản (8620305)	

STT	Nhóm ngành	Tên ngành cụ thể	Học phần bổ sung kiến thức
19	Công nghệ thông tin (84802)	Công nghệ thông tin (8480201)	
<b>Ứng viên tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên</b>			
20	Kỹ thuật hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường (75203)	Kỹ thuật môi trường (7520320)	Tùy vào định hướng nghiên cứu, hội đồng bảo vệ đề cương sẽ quyết định các môn học bổ sung kiến thức.
21	Khoa học môi trường (74403)	Khoa học môi trường (7440301)	
22	Công nghệ hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường (75104)	Công nghệ kỹ thuật môi trường (7510406)	
23	Quản lý tài nguyên và môi trường (78501)	Quản lý tài nguyên và môi trường (7850101)	

*[Handwritten signature]*





## PHỤ LỤC 02

### Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương **Bậc 4** theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ

(Kèm theo Thông báo số 1509 /TB-ĐHVLT, ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Trường Đại học Văn Lang)

Trường Đại học Văn Lang công nhận các chứng chỉ trong thời hạn sử dụng được liệt kê trong Bảng 1 dưới đây cho việc xét tuyển đầu vào và xét tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ.

*Bảng 1. Các chứng chỉ ngoại ngữ được công nhận trong chương trình đào tạo tiến sĩ*

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ	Thời hạn sử dụng xét tuyển	Bậc 4
1	Tiếng Anh	VSTEP	Không thời hạn	Bậc 4
		TOEFL iBT	02 năm	46 - 93
		CEFR	Không thời hạn	B2
		IELTS Test Report Form	02 năm	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	Không thời hạn	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160 - 179
		Cambridge	Không thời hạn	FCE
		TOEIC (4 kỹ năng)	02 năm	Nghe: 400 - 489 Đọc: 385 - 454 Nói: 160 - 179 Viết: 150 - 179
		Aptis/ Aptis ESOL International Certificate	Không thời hạn	B2
		Pearson English International Certificate (PEIC)	Không thời hạn	Level 3
Pearson Test of English Academic (PTE Academic)	02 năm	59-75		

2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	Không thời hạn	TCF: 400-499 văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Không thời hạn	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	Không thời hạn	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	02 năm	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	Không thời hạn	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	Không thời hạn	ТРКИ-2

Trường Đại học Văn Lang chỉ chấp nhận các Chứng chỉ ngoại ngữ trong Bảng 1 được các Đơn vị liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ mà Bộ Giáo dục Đào tạo cho phép. Có thể tra cứu các Đơn vị trên cổng thông tin của Bộ Giáo dục Đào tạo. (<https://vqa.moet.gov.vn/vi/thong-bao-quan-ly-vb-cc/thong-bao/danh-sach-don-vi-duoc-phe-duyet-lien-ket-to-chuc-thi-cap-chung-chi-nang-luc-ngoai-ngu-cua-nuoc-ngoai-33.html> hoặc <https://vqa.moet.gov.vn/vi/news/tin-tuc-su-kien/danh-sach-cac-don-vi-to-chuc-thi-danh-gia-nang-luc-tieng-anh-theo-khung-nang-luc-ngoai-ngu-6-bac-dung-cho-viet-nam-101.html>).



### PHỤ LỤC 03

**Điều kiện dự tuyển học bổng và cam kết học bổng tiến sĩ**  
(Kèm theo Quyết định số 1509/QĐ-ĐHVL, ngày 22 tháng 10 năm 2024  
của Trường Đại học Văn Lang)

Ứng viên đủ điều kiện trúng tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ có thể đăng kí ứng tuyển, nhận được học bổng lên đến 100% học phí toàn khóa học. Học bổng sẽ được xem xét dựa trên cam kết nghiên cứu khoa học và ngân sách Quỹ học bổng của nhà Trường. Bảng 2 bên dưới liệt kê một số cam kết về sản phẩm nghiên cứu khoa học mà ứng viên có thể đăng kí.

**Bảng 2. Một số cam kết sản phẩm nghiên cứu khoa học đối với bậc đào tạo tiến sĩ**

STT	Cam kết công bố kết quả nghiên cứu khoa học	Mức học bổng
1	Tạp chí thuộc ISI & Scopus & Q2 trở lên theo Scimago	100%
2	Tạp chí ISI & Scopus & Q3 theo Scimago	80%
3	Tạp chí ISI & Scopus & Q4 Scimago	70%
4	Tạp chí ISI (ESCI) hoặc Scopus	60%
5	Tạp chí xuất bản bằng tiếng Anh được Hội đồng giáo sư chấm $\geq 1.0$	30%
6	Tạp chí xuất bản bằng tiếng Anh được Hội đồng giáo sư chấm $\geq 0.5$	10%
7	Bằng sáng chế thuộc loại Utility hoặc loại Design hoặc loại Plant được công nhận bởi USPTO và Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam	100%
8	Bằng sáng chế được công nhận bởi EPO và Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam	100%
9	Bằng sáng chế được công nhận bởi Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam	70%

#### 1. Nghiên cứu sinh có quốc tịch Việt Nam

- Ứng viên đủ điều kiện trúng tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ đều có thể đăng kí ứng tuyển, nhận được học bổng lên đến 100% học phí toàn khóa học.

- **Điều kiện để có thể nhận và duy trì học bổng:**

- (1) Đảm bảo hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ đúng thời gian đào tạo tiêu chuẩn;
- (2) Thực hiện cam kết nghiên cứu và công bố khoa học.

- Mức học bổng được xem xét dựa theo chất lượng sản phẩm nghiên cứu khoa học cam kết thực hiện trong quá trình học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ (Bảng 2).

#### 2. Nghiên cứu sinh có quốc tịch nước ngoài

##### 2.1. Thông qua hiệp định/hiệp ước giữa Việt Nam và nước ngoài

- Học bổng được cung cấp theo thỏa thuận hợp tác được quy định trong văn bản kí kết hợp tác với nước ngoài (nếu có).

## 2.2. Cá nhân tự túc học

- Người học thuộc nhóm các nước thu nhập rất thấp (Group A) theo đánh giá của Research4life (<https://www.research4life.org/access/eligibility/#groupa>): mức học bổng được tính theo Mục 1 và được **cộng thêm 70% nhưng không vượt quá 100%**.

- Người học thuộc nhóm các nước thu nhập thấp (Group B) theo đánh giá của Research4life (<https://www.research4life.org/access/eligibility/#groupa>): mức học bổng được tính theo Mục 1 và được **cộng thêm 50% nhưng không vượt quá 100%**.

- Trường hợp khác: Nhà trường xem xét học bổng từng trường hợp, mức học bổng có thể đến 100% học phí toàn khóa.

## 3. Triển khai thực hiện cấp - nhận học bổng Tiến sĩ

### 3.1. Triển khai thực hiện cấp phát học bổng

- Nghiên cứu sinh sẽ được thông báo mức học bổng sau khi có kết quả của Hội đồng xét học bổng cho từng đợt tuyển sinh.

- Học phí mà người học phải đóng theo các đợt là phần còn lại sau khi khấu trừ phần học bổng của mỗi đợt đóng học phí. Phần học bổng khấu trừ này sẽ được ghi nợ trên hệ thống kế toán của Nhà trường.

- Trước khi xét tốt nghiệp, Nhà trường sẽ rà soát, đối chiếu kết quả thực hiện các cam kết tại Mục 1. Nếu hoàn thành tất cả các cam kết theo mục Mục 1 thì khoản ghi nợ phần học bổng sẽ được xóa trên hệ thống kế toán.

### 3.2. Biện pháp xử lí các trường hợp không hoàn thành các cam kết học bổng tiến sĩ

- Nếu đảm bảo đúng tiến độ đào tạo ở điều kiện (1) mà *không* hoàn thành đúng cam kết nghiên cứu khoa học ở điều kiện (2) thì nghiên cứu sinh phải **hoàn lại 50%** học bổng đã nhận.

- Nếu đảm bảo đúng tiến độ đào tạo ở điều kiện (1) mà hoàn thành cam kết nghiên cứu khoa học ở điều kiện (2) *thấp hơn (hoặc cao hơn) mức đăng kí* thì Nhà trường sẽ tính toán lại mức học bổng (hoặc xem xét khen thưởng) cho nghiên cứu sinh.

- Nếu *không* đảm bảo đúng tiến độ đào tạo ở điều kiện (1) mà hoàn thành đúng cam kết nghiên cứu khoa học ở điều kiện (2) thì nghiên cứu sinh phải **hoàn lại 10%** học bổng đã nhận.

- Nếu nghỉ học lí do không chính đáng thì nghiên cứu sinh phải **hoàn lại 100%** học bổng đã nhận.

## 4. Một số lưu ý về chính sách học phí và học bổng

4.1. Trường hợp cùng lúc thỏa mãn nhiều chính sách miễn giảm và chính sách học bổng, nghiên cứu sinh chỉ được chọn một chính sách hoặc nhà trường sẽ áp dụng chính sách có mức giảm học phí cao nhất.

4.2. Số lượng học bổng tuyển sinh được phê duyệt căn cứ trên Quỹ học bổng Sau đại học được Ban Giám hiệu Trường Đại học Văn Lang phê duyệt cho mỗi đợt tuyển sinh.

4.3. Cách tính thành tích nghiên cứu khoa học (*Phụ lục 03*) đối với học bổng tiến sĩ: Nghiên cứu sinh phải là tác giả chính (tác giả đầu/tác giả liên hệ của bài báo hoặc tác giả chính của bằng sáng chế).

4.4. Mức độ chất lượng (tạp chí ISI/Scopus, hạng Q, điểm Hội đồng giáo sư nhà nước đánh giá, vv...) kết quả nghiên cứu khoa học được tính tại thời điểm công bố.

4.5. Tổng học bổng người học nhận không vượt quá 100% học phí toàn khóa.

4.6. Tên đơn vị, địa chỉ và email của người học bắt buộc phải được thể hiện trên các công bố khoa học và được ghi như sau (tùy theo ngôn ngữ):

Khoa ....., Trường Đại học Văn Lang, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Department/Faculty of ....., Van Lang University, Ho Chi Minh City, Vietnam

Email: Phải là email đã được Trường Đại học Văn Lang cung cấp .

